



**\*\*\* BẢO AN TOÀN**  
**VẬT LIỆU \*\*\***  
**N-DULGE(TM) 320**

**1. SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ XÁC ĐỊNH VỀ CÔNG TY**

TÊN SẢN PHẨM	N-DULGE(TM) 320
	Tinh bột thực phẩm
KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG	Được đề nghị sử dụng cho thực phẩm

**NHÀ CUNG CẤP**

Ingredion Vietnam Company Limited  
Room 817, 8th Floor Parkson Paragon,  
No.03 Nguyen Luong Bang Street,  
Tan Phu ward, District 7, Ho Chi Minh City 700000,  
Vietnam  
Tel: +84-28-54133368 (business hours)

**MANUFACTURER**

Ingredion (Thailand) Co., Ltd  
40/14 Moo 12, Bangna-Trad Road,  
Bangplee, Samutprakarn 10540  
Thailand  
Tel: +662-725-0200 (business hours)

CHEMTREC - Số điện thoại khẩn (cho sự cố xảy ra đối với sản phẩm về y tế và vận chuyển- 7 ngày/24 giờ)

Số toàn cầu (trừ US): +1 703-741-5970

Úc: +(61)-290372994

Trung Quốc: 4001-204937

Hồng Kông: 800-968-793\*

Ấn Độ: 000-800-100-7141\*

Indonesia: 001-803-017-9114\*

Nhật Bản: +(81)-3-4520-9637

Mã Lai: +(60)-392125794, 1-800-815-308\*

New Zealand: +(64)-98010034

Philippin: +(63) 2-395-3308, 1-800-1-116-1020\*

Singapore: +(65)-31581349, 800-101-2201\*

Hàn Quốc: +(82) 070-7686-0086, 00-308-13-2549\*

Đài Loan: +886-2-7741-4207\*, 00801-14-8954\*

Thái Lan: 001-800-13-203-9987\*

Việt Nam: +(84)-444581938

\*Số điện thoại của các quốc gia được đánh dấu bằng dấu hoa thị phải được quay số trong nước

Thông tin chung và yêu cầu SDS, vui lòng liên lạc chăm sóc khách hàng nội bộ: xem số liên lạc ở phần 16.

**2. SỰ NHẬN RA MỐI NGUY HIỂM.**

<b>Phân loại theo GHS</b>	Không được phân loại theo tiêu chí GHS
<b>Từ ký hiệu theo GHS</b>	Không có từ tín hiệu cần thiết.
<b>Các mối nguy theo GHS</b>	Không có tuyên bố nguy hiểm cần thiết.
<b>Những cảnh giác về an toàn theo GHS</b>	Không có tuyên bố phòng ngừa cần thiết.

**TỔNG QUAN VỀ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP**

Các kích ứng vật lý có thể từ những mảnh nhỏ bụi. Nguy cơ nổ tiềm ẩn do bụi.

**DẠNG VẬT CHẤT :** Bột Trắng MÙI Tinh bột

**MẮT** Bụi hạt có thể làm chảy bề mặt mắt và làm kích ứng bên ngoài

TIẾP XÚC DA	Thấp dưới độ độc
HÍT THỞ	Sản phẩm này có thể sinh ra bụi gây khó chịu nên được duy trì trọng lượng trung bình 10 mg/m <sup>3</sup> .
ĂN, NUỐT	Độc tố qua miệng thấp

### 3. KẾT CẤU/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN.

NHÓM HÓA CHẤT	Modified Starch	
BỘ PHẬN (THÀNH TỐ)	SỐ THÙNG	TẬP TRUNG (% bởi trọng lượng)
Không được phân loại là nguy hiểm		

### 4. NHỮNG BIỆN PHÁP CẤP CỨU

MẮT	Rửa trôi các hạt bụi trong mắt bằng dung dịch rửa mắt hoặc bằng nước sạch. Nếu triệu chứng tiếp tục tiến triển, cần có sự chăm sóc y tế.
TIẾP XÚC DA	Rửa da bằng xà bông và nước.
SỰ HÍT VÀO	Di dời đến nơi thoáng khí. Gọi y tế nếu sự kích ứng cứ tiếp tục.
SỰ ẪN UÔNG	Không yêu cầu

### 5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

TỰ PHÁT CHÁY	Không có
ĐIỂM PHÁT QUANG	Không có
MÔI TRƯỜNG DẬP LỬA	Hóa chất khô; Khí CO <sub>2</sub> ; Sương; Bọt
QUY TRÌNH CHỮA CHÁY ĐẶC BIỆT	Không yêu cầu quy trình đặc biệt nào cả
MỐI NGUY CHÁY & NỔ	Nhiệt độ phát cháy tối thiểu của mây bụi khoảng 390 độ C. nồng độ gây nổ tối thiểu khoảng 80 mg/l. Năng lượng tối thiểu để làm bốc cháy mây bụi bằng tia lửa điện là xấp xỉ 0.10 joules
SẢN PHẨM CÓ NGUY CƠ GÂY CHÁY	Sản phẩm này không trải qua quá trình phân hủy tự phát. Những sản phẩm gây cháy điển hình là CO, CO <sub>2</sub> , Nitơ và nước.
GIỚI HẠN GÂY NỔ DƯỚI (%)	No data available
GIỚI HẠN GÂY NỔ TRÊN (%)	No data available

### 6. NHỮNG BIỆN PHÁP LÀM GIẢM TAI NẠN

QUY TRÌNH ĐỐI PHÓ VỚI VIỆC ĐỔ VỠ VÀ RÒ RỈ	Nên tuân thủ những biện pháp phòng ngừa thông thường đối với "bụi bặm gây khó chịu". Tránh phơi nhiễm bụi lâu dài. Quét hoặc hút bụi và lấp đặt thùng chứa chất thải thích hợp.
---	---

Đối với những đề phòng về an toàn môi trường, xin vui lòng xem lại toàn bộ Bảng Số liệu An toàn Vật liệu cho thông tin cần thiết.

### 7. XỬ LÝ VÀ TỒN TRỮ

NHIỆT ĐỘ BAO QUẢN	Nhiệt độ thường.
XỬ LÝ / TỒN TRỮ	Nên cẩn thận như thường lệ khi xử lý hóa chất .
NHẠY CẢM VỚI TỈNH ĐIỆN	Có
TÍNH HAY CẢM ĐẶC BIỆT	Không có
NHẠY CẢM ĐỐI VỚI TÁC ĐỘNG CƠ HỌC	Không
CÁC CẢNH GIÁC KHÁC	Dùng cẩn thận tránh gây bụi ở mức tối thiểu trong điều kiện dùng bình thường. Tránh phát tán chất bột trong không khí. Tránh đóng bụi trên bề mặt.

## 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

No data available

YÊU CẦU HỆ THỐNG THÔNG GIÓ	Tổng quát.
YÊU CẦU BẢO HỘ MẮT	Khuyến cáo dùng kính an toàn.
YÊU CẦU GĂNG TAY	Thường không đòi hỏi găng tay đối với tình huống sử dụng tiên liệu được.
YÊU QUẦN ÁO	Không áp dụng.
THAY ĐỔI/ CỒI BỎ QUẦN ÁO	Thông thường không yêu cầu.
CÁC YÊU CẦU RỬA	Rửa sạch trước khi ăn, uống, hoặc sử dụng các dụng cụ vệ sinh.
YÊU CẦU BẢO HỘ HÔ HẤP	Mặt nạ NIOSH được chấp thuận.

## 9. TÍNH NĂNG VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

NGUYÊN CHẤT HOẶC HỖN HỢP	Nguyên chất
DẠNG VẬT CHẤT	Bột
MÀU	Trắng
MÙI	Tinh bột
NGUỒN MÙI	Không có
TRỌNG LƯỢNG PHÂN TỬ	Lớn hơn (>) 10000
ĐỘ PH	Không có
pH trong dung dịch 1%	Xấp xỉ 6
CÁC ĐẶC TÍNH OXI HÓA	Không có
ĐIỂM SÔI	Không có
ĐIỂM NÓNG CHẤY/ ĐÔNG ĐẶC	Không có
TÍNH TAN TRONG NƯỚC	Không tan
HỆ SỐ RIỀNG PHẦN (n-octanol/nước)	Không có
ĐỘ NHỚT	Không có
TỈ TRỌNG (NƯỚC=1)	1.5
TỐC ĐỘ BAY HƠI	Không có
ÁP SUẤT HƠI (mmHg)	Không có
TỈ TRỌNG HƠI (air = 1)	Không có
KHẢ NĂNG BAY HƠI	Không
HỢP CHẤT HỮU CƠ DỄ BAY HƠI	Không có
TỰ PHÁT CHÁY	Không có
ĐIỂM PHÁT QUANG	Không có

## 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG

TÍNH ỔN ĐỊNH	Ổn định (vững chắc)
CHI TIẾT ỔN ĐỊNH	Vật liệu bền dưới áp suất và nhiệt độ thông thường.
VẬT LIỆU PHẢI TRÁNH XA	Không biết
ĐIỀU KIỆN PHẢI TRÁNH	Không biết
SẢN PHẨM PHÂN HỦY ĐỘC HẠI	Sản phẩm này không trải qua quá trình phân hủy tự phát. Những sản phẩm gây cháy điển hình là CO, CO <sub>2</sub> , Nitơ và nước.
ĐIỀU KIỆN PÔLIME HÓA ĐỘC HẠI	Polimer nguy hiểm sẽ không xuất hiện.
TÍNH PHẢN ỨNG	Not expected to be reactive

## 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

ĐƯỜNG VÀO	Tiếp xúc mắt; Tiếp xúc da; Việc hô hấp; Tiêu hóa
-----------	--

<b>CHẤT SINH UNG THƯ</b>	<u>IARC</u> (nhóm)	<u>NTP</u>	<u>OSHA Substance</u> <u>Specific Regulation</u>
<b>BỘ PHẬN (THÀNH TỐ)</b>			
Không có bằng chứng cho thấy sản phẩm này gây ra nguy cơ ung thư khi được xử lý và sử dụng trong điều kiện bình thường.			

<b>SẢN PHẨM CÓ ĐỘC TÍNH</b> THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM	No data available
--	-------------------

<b>ẢNH HƯỞNG CẤP TÍNH CỦA SỰ PHỐI NHIỄM</b> Các ảnh hưởng cấp tính.	Dường như không gây tác dụng có hại ở những điều kiện sử dụng và xử lý được khuyến cáo.
--	---

<b>TÁC ĐỘNG CỦA PHỐI NHIỄM MÃN TÍNH</b> TÁC DỤNG PHỐI NHIỄM MÃN TÍNH	Sản phẩm này được xem là không độc. Nên áp dụng những thực hành vệ sinh công nghiệp.
<b>CÁC BỘ PHẬN CHỊU TÁC ĐỘNG</b>	Không áp dụng (không có).

## **12. THÔNG TIN SINH THÁI**

<b>TIỀM NĂNG TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG</b>	No data available
<b>TÍNH LƯU ĐỘNG</b>	Không biết rõ.
<b>DAI DẰNG VÀ GIẢM CHẤT (HƯ HỎI)</b>	No data available
<b>CÓ TIỀM NĂNG TÍCH TỤ SINH HỌC</b>	Không biết rõ.
<b>ĐỘC TÍNH</b>	Không có sẵn thông tin.
<b>ĐỘC TÍNH ĐỐI VỚI THỦY SINH VẬT</b>	Không được hành lập

## **13. NHỮNG XEM XÉT VỀ THẢI BỎ**

<b>PHƯƠNG PHÁP LOẠI BỎ CHẤT THẢI</b>	Việc thải bỏ phải tuân thủ qui định quốc gia, vùng và địa phương.
<b>CÁC CẢNH GIÁC ĐỐI VỚI CONTAINER RỖNG</b>	Các container rỗng có thể chứa phần sản phẩm còn sót lại, vì thế nên theo hướng dẫn của MSDS và dán nhãn cảnh báo thậm chí sau khi các container đã được làm rỗng

## **14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**

Phần này chỉ cung cấp những thông tin tổng quát mà thôi. Những yêu cầu vận chuyển bên dưới có thể không tiêu biểu những yêu cầu đối với tất cả các phương thức vận chuyển, đóng gói, phương thức chuyển hàng hoặc những vị trí bên ngoài Hoa Kỳ. **ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN ĐẦY ĐỦ VỀ CÁC QUI ĐỊNH VẬN CHUYỂN XIN VUI LÒNG THAM KHẢO NHỮNG HỒ SƠ ĐÍNH KÈM THEO LÔ HÀNG SẢN PHẨM NÀY.**

<b>PHÂN LOẠI DOT</b>	Không được quy định
<b>TÊN RIÊNG VẬN CHUYỂN</b>	Không có
<b>LOẠI/ HẠNG NGUY HẠI</b>	Không có

SỐ U.N	Not applicable
ĐÓNG GÓI THEO NHÓM	Không có
*****	*****
<b>PHÂN LOẠI ICAO/IATA</b>	Không được quy định
TÊN RIÊNG VẬN CHUYỂN	Không có
LOẠI/ HẠNG NGUY HẠI	Không có
SỐ U.N	Không có
ĐÓNG GÓI THEO NHÓM	Không có
*****	*****
<b>XẾP LOẠI IMO/IMDG</b>	Không được quy định
TÊN RIÊNG VẬN CHUYỂN	Không có
LOẠI/ HẠNG NGUY HẠI	Không có
SỐ U.N	Không có
ĐÓNG GÓI THEO NHÓM	Không có
ĐIÊM PHÁT QUANG	Không có
TÊN CHẤT GÂY Ô NHIỄM BIÊN	Không có
IMO MFAG	Xem Bảng 1-15 dựa trên những triệu chứng.

Thông tin tạo ra ở đây có thể không bao gồm ảnh hưởng những yêu cầu thường xuyên kết hợp (ví dụ, cho các vật liệu đối chiếu với xác định của một chất thải nguy hiểm dưới RCRA, các chất nguy hiểm dưới CERCLA, và/của tác nhân gây ô nhiễm thuộc về biển dưới CWA hoặc các luật của địa phương hoặc Liên bang tương tự khác) hoặc bất cứ sự loại bỏ có giao kết nào hoặc các sự miễn dưới các quy định áp dụng cho sự vận chuyển vật liệu này.

## **15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT**

---

TSCA	Sản phẩm này được sản xuất đúng với tất cả sự cung cấp của Hoạt Động Kiểm tra Chất độc, 15 U.S.C. 2601 et. Seq.
FDA	21CFR172.892.

## **16. THÔNG TIN KHÁC**

---

Ngày SDS	26-May-2020
CĂN THÊM THÔNG TIN, LIÊN HỆ:	Vietnam: Ingredient Vietnam Company Limited Tel: +84-28-54133368

**THÔNG TIN THÊM:** Những thông tin và khuyến cáo nêu ra ở đây chỉ áp dụng cho sản phẩm của chúng tôi mà thôi và không liên quan đến các sản phẩm khác. Những thông tin và khuyến cáo này dựa trên cơ sở từ nghiên cứu và dữ liệu từ những nguồn đáng tin cậy khác và được tin tưởng là chính xác. Không đưa ra một bảo đảm nào và tính chính xác. Trách nhiệm của người mua trước khi sử dụng bất cứ một sản phẩm nào là kiểm tra dữ liệu này với những điều kiện hoạt động của người mua để xem sản phẩm có thích hợp với mục đích mình hay không.